

NGƯỜI HOA VỚI CHIÊU ANH CÁC - “SALON VĂN HỌC” QUỐC TẾ ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM

ĐOÀN LÊ GIANG*

Tóm tắt: Tao đàn Chiêu Anh Các là nơi hội tụ văn nhân trí thức Việt, Hoa, tồn tại suốt 35 năm (1736-1771), trở thành salon văn học quốc tế đầu tiên của Việt Nam, nổi tiếng khắp vùng Viễn Đông. Bài viết điểm qua thành tựu nghiên cứu về Tao đàn Chiêu Anh Các, những giá trị nổi bật của Tao đàn này, trong đó tập trung nhất là thơ phú của Tao đàn Nguyên sūy Mạc Thiên Tích.

Từ khoá: Mạc Thiên Tích, Chiêu Anh Các, Hà Tiên, văn học Nam Bộ Việt Nam, văn học Việt - Hoa.

Abstract: Chiêu Anh Các was a literary group including Chinese and Vietnamese intellectuals and writers; it existed for 35 years (1736-1771), it became the first international literary “salon” in Vietnam, gaining fame throughout the Far East Asian regions. This article reviews studies of Chiêu Anh Các, examining its prominent literary values, with the concentration on the poetry of the group’s leader, Mạc Thiên Tích.

Keywords: Mạc Thiên Tích, Chiêu Anh Các, Hà Tiên, literature of Southern Vietnam, Chinese-Vietnamese literature

1. Quá trình hình thành Hà Tiên và Chiêu Anh Các

Vào thế kỷ XVIII vùng đất Hà Tiên đã có người Việt đến khai phá, người Việt ở chung với người Khmer, và có thể có một ít người Hoa. Năm 1700 Mạc Cửu xin vua Cao Miên cho khai khẩn vùng đất Mang Khảm, vùng đất ấy chính là Hà Tiên sau này. Ông đã khai khẩn lập làng được 7 xã thôn với một vùng đất rộng lớn: từ Cà Mau, Hà Tiên đến cảng Kompong Som (Shihanoukville) ngày nay. Khi Hà Tiên đã bắt đầu phát triển, Mạc Cửu nhận thấy Cao Miên lực lượng yếu, nội bộ lung lay, vua nước ấy thiếu sự thành tín, trung

hậu, trong khi đó Đàng Trong (thuộc Đại Việt) lực lượng hùng mạnh, trên dưới đoàn kết, chúa Nguyễn có lòng thành tín, oai đức gồm đủ, nên năm 1708 ông có quyết định quan trọng thứ hai: dâng biểu xưng thần chúa Nguyễn, đưa Hà Tiên về cho chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn chấp thuận, lập thành Trấn Hà Tiên và phong Mạc Cửu làm Tổng binh. Từ đây Hà Tiên phát triển nhanh chóng, trở thành một vùng đất trù phú và một thương cảng quốc tế sầm uất.

Năm 1735 Mạc Cửu mất, ông trao lại quyền cai quản trấn Hà Tiên cho Mạc Thiên Tích, con ông với bà Bùi Thị Lắm, người gốc Đồng Môn, Biên Hòa [4, tr.70]. Sau khi cha mất, Mạc Thiên Tích được chúa Nguyễn Phúc Trú 阮福澍 (1725-1738) ban cho chức Hà Tiên trấn Đô đốc.

* PGS.TS. - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Email: doanlegiang@yahoo.com

Mạc Thiên Tích sinh năm 1718¹, chính tên là Tông 宗, tự Thiên Tứ 天賜, sau chúa Nguyễn Phúc Trú tứ danh cho, mới đổi bộ bối ra bộ kim, thành chữ Tích 錫 cũng có nghĩa là cho.

Ngay sau khi lên nắm quyền bính do thân phụ để lại, Mạc Thiên Tích chứng tỏ mình là người thừa kế xuất sắc. Sách *Đại Nam liệt truyện tiền biên* ghi: “Mùa xuân năm Bính Thìn, Túc Tông hoàng đế thứ 11 (1736) lấy Thiên Tứ làm Đô đốc trấn Hà Tiên, ban cho ba thuyền Long Bài, miễn cho thuế má. Lại sai mở Cục Đức tiền để tiện cho việc cho việc buôn bán. Thiên Tứ bèn cho đặt nha thuộc, kén quân lính, xây thành bảo, mở chợ búa, thương nhân các nước tụ tập buôn bán rất đông” [6, tr.242-243]. Sách *Hà Tiên trấn, Hiệp trấn Mạc thị gia phả* do Vũ Thế Dinh biên soạn năm 1818, viết: “Ông Mạc Thiên Tứ phú tính trung lương, nhân từ nghĩa dũng, toàn vẹn tài đức, lại tinh thông sách vở và văn thơ của Bách gia chư tử... Ông có dựng Chiêu Anh Các để thờ Tiên Thánh, và dùng lễ vật hậu hĩ để đón mời người tài giỏi. Từ bên nhà Thanh và cả các bậc tuần tú các nước khác nghe tiếng ông đều tụ hội đến ngày một đông”...

Không chỉ là một Đô đốc giỏi điều binh khiển tướng, một nhà cai trị, kinh doanh tài ba, Mạc Thiên Tích còn là một thi sĩ có hồn thơ lai láng, một nhà hoạt động văn hóa có tầm nhìn xa rộng. Ngay sau khi lên cầm quyền trấn Hà Tiên ông

cho xây dựng miếu Không Tử², bên trong có Thụ Đức Hiên 樹德軒 (với ý trồng cây đức của người xưa) là nơi đọc sách; và cũng có gác để Thiên Tích làm thơ. Nơi này chính là gác chiêu tập những anh hoa tuần tú trong thiên hạ, tức Chiêu Anh Các, một Tao đàn văn học nức tiếng một thời.

2. Tao đàn Chiêu Anh Các – “salon văn học” quốc tế

Mùa xuân năm Bính Thìn (1736) vào rằm tháng riêng, Mạc Thiên Tích cho mời các danh sĩ gần xa đến dự lễ Nguyên tiêu, nhờ người bạn thơ người Quảng Đông là Trần Hoài Thủy khai hội tao đàn. Trong lễ ấy, Mạc Thiên Tích trình mười bài vịnh cảnh Hà Tiên (*Hà Tiên thập vịnh*) để tao nhân mặc khách họa vắn. Cảnh đẹp Hà Tiên nổi danh trong ngoài, nhờ mười bài thơ hay gọi hứng mà khách thơ từ trong trấn cho đến miệt ngoài và cả khách từ Trung Hoa đua nhau họa vắn. Một năm sau bộ *Hà Tiên thập vịnh* đã có 32 người xướng họa, mỗi người mười bài, thành tập thơ dày dặn với 320 bài.

Mười bài vịnh cảnh đẹp Hà Tiên mà Tao đàn nguyên súy đề xướng làm theo loại thơ vịnh cảnh liên hoàn, loại thơ khởi đầu từ *Tiêu Tương bát cảnh* 瀟湘八景 của họa sĩ, thi nhân đời Tống. Tám cảnh đẹp Tiêu Tương đó là: *Bình sa lạc nhạn* 平沙落雁, *Viễn phố quy phàm* 遠浦歸帆, *Sơn thị tình lam* 山市晴嵐, *Giang thiên mộ tuyết* 江天暮雪, *Động Đình thu nguyệt* 洞庭秋月, *Thiên nhiên thanh thủy* 天鴈寒潭, *Thiên nhiên thanh thủy* 天鴈寒潭, *Thiên nhiên thanh thủy* 天鴈寒潭.

¹ Về năm sinh Mạc Thiên Tích các sách ghi khác nhau: Đông Hồ ghi 1706, Cao Tự Thanh đề: không rõ, Trịnh Hoài Đức, Vũ Thế Dinh, Trương Minh Đạt ghi 1718 (các sách ở Tài liệu tham khảo), chúng tôi theo quan điểm thứ ba.

² Theo nhà nghiên cứu Trương Minh Đạt thì nền miếu Không Tử nay là chùa Phù Dung, tên đúng là chùa Phù Anh, xây vào thời Thiệu Trị (“Đã phát hiện ra vị trí Tao đàn Chiêu Anh Các”, *Nghiên cứu Hà Tiên*, Tập 2, Sdd, tr.146).

庭秋月, *Tiêu Tương dạ vũ* 瀟湘夜雨, *Yên tự vân chung* 煙寺晚鐘, *Ngư thôn tịch chiếu* 漁村夕照. Học theo cách ấy, mười bài *Hà Tiên thập vịnh* của Mạc Thiên Tích lần lượt theo từng cặp là:

Kim Dự lan đào 金嶼攔濤 / Kim Dự chắn sóng;

Bình San điệp thúy 屏山疊翠 / Bình San phủ xanh.

Tiêu Tự thần chung 蕭寺晨鐘 / Chuông sớm chùa Tiêu;

Giang Thành dạ cổ 江城夜鼓 / Trống đêm Giang Thành.

Thạch Động thôn vân 石洞吞雲 / Thạch Động nuốt mây;

Châu Nham lạc lộ 珠岩落鷺 / Châu Nham cò đậu.

Đông Hồ ấn nguyệt 東湖印月 / Trăng in Đông Hồ;

Nam Phố trường ba 南浦澄波 / Sóng yên Nam Phố.

Lộc Trĩ thôn cư 鹿峙村居 / Xóm thôn Mũi Nai;

Lư Khê ngư bạc 蘆溪漁舶 / Làng chài Rạch Vược.

Cảnh đẹp mê hồn, đề tài hấp dẫn, chủ nhân hào hiệp, vì thế mà cuộc xướng họa về mười cảnh đẹp Hà Tiên thu hút tao nhân mặc khách khắp nơi: từ Thuận Quảng đến Gia Định, từ trấn Hà Tiên đến Phúc Kiến, Quảng Đông. Theo thống kê của Trịnh Hoài Đức trong *Gia Định thành thông chí* có thể thấy:

Văn nhân phủ Triệu Phong (Thuận Hóa) có: Phan Đại Quảng, Nguyễn Nghi, Trần Ngoan, Đặng Minh Bản.

Văn nhân phủ Quy Nhơn có: Hòa

thượng Hoàng Long, Đạo sĩ Tô Dân.

Văn nhân Gia Định có: Trịnh Liên San, Lê Bá Bình.

Văn nhân Phúc Kiến có: Chu Phác, Trần Minh Hạ, Châu Cảnh Dương, Ngô Chí Hàn, Lý Nhân Trường... tổng cộng 15 vị.

Văn nhân Quảng Đông có: Lâm Kỳ Nhiên, Tôn Thiên Thụy, Lương Hoa Phong, Tôn Văn Trân, Dư Tích Thuần, Vương Sưởng... tổng cộng 13 vị.

Danh sách các nhân vật tham gia xướng họa mười cảnh Hà Tiên ít nhiều có sự khác nhau giữa các học giả Trịnh Hoài Đức, Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú... trước kia, và Trần Kinh Hòa, Đông Hồ sau này.

Bên cạnh cuộc xướng họa mười cảnh đẹp Hà Tiên còn có cuộc xướng họa bốn mùa xuân hạ thu đông ở Hà Tiên gọi là *Thụ Đức hiên tứ cảnh*, cuộc xướng họa này cũng thu hút được 32 tao nhân với 88 bài mà Lê Quý Đôn từng ghi lại tỉ mỉ. Đến nay có 9 tao nhân còn lưu tên và tác phẩm: Uông Hề Lai, Thái Đạo Pháp, Phương Thu Bạch, Trần Thành Bích, Trần Trí Khải, Lưu Chương, Trần Diệu Liên, Trang Huy Diệu, Đỗ Văn Hồ.

Tao đàn Chiêu Anh Các tồn tại 34 năm (1736-1770), năm quân Xiêm xâm lấn Hà Tiên, Mạc Thiên Tích phải trốn tránh, lưu lạc. Với số lượng văn nhân tham gia đông đảo - cả trong và ngoài nước (trên 60 người), với thời gian tồn tại lâu dài, với số lượng sáng tác phong phú có thể khẳng định: cuộc xướng họa Hà Tiên thập vịnh do Mạc Thiên Tích khởi xướng cũng như các cuộc xướng họa ngâm vịnh khác ở đây đã đưa Chiêu Anh Các trở thành một tao đàn thơ ca lớn thứ hai sau Tao đàn Nhị

Thập Bát Tú thời Hồng Đức gần 240 năm trước đó; đồng thời xét về mặt quốc tế, thì đây là một “salon văn học” - nói theo kiểu phương Tây, có tính quốc tế đầu tiên và lớn nhất của Việt Nam thời trung đại.

3. Tác phẩm của Tao đàn Chiêu Anh Các

Tác phẩm của Tao đàn Chiêu Anh Các dù mất mát khá nhiều, nhưng hiện vẫn còn đủ để làm bằng chứng và nghiên cứu, thường ngoạn.

1) *Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh*, tập thơ chữ Hán khắc in năm 1737, có 320 bài của 32 tác giả, bao gồm 10 bài xướng của Mạc Thiên Tích, còn lại 310 bài họa của 31 tác giả: 25 người Phúc Kiến, Quảng Đông, 6 người Việt. Tập thơ có bài tựa của Mạc Thiên Tích và 2 bài bạt của Dư Tích Thuần, Trần Trí Khải người Trung Hoa. Năm 1755 Nguyễn Cư Trinh (1716-1767) vào Nam giao thiệp với Mạc Thiên Tích, họa thêm 10 bài nữa, nhưng vì làm sau nên không có trong tập. Mười bài thơ này, văn bản chữ Hán lưu ở Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội), được nhiều nơi sao chép; bản dịch in trong *Văn học Hà Tiên* của Đông Hồ, *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 7 (Nxb. KHXH, 1997)...

2) *Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh*, tập thơ do Mạc Thiên Tích sáng tác, dài 422 câu theo thể liên ngâm: sau một đoạn lục bát gián thất là một bài Đường luật bát cú, liên hoàn vịnh mười cảnh đẹp của Hà Tiên. Tác phẩm này công bố đầu tiên trong sách *Thần chú thỉnh tiên* của La Thành Đàm (1907), sau đó giới thiệu trong bài *Hà Tiên Mạc thị sử* của Đông Hồ trên *Nam phong tạp chí* số 107/ 1926, định bản trong *Văn học Hà Tiên: văn học miền Nam: Chiêu Anh Các*

Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh (Đông Hồ, Sài Gòn, Quỳnh Lâm, 1970). Trong ba cách đặt nhan đề khác nhau: *Ca trừ thập cảnh Hà Tiên* (La Thành Đàm), *Hà Tiên thập cảnh ngâm khúc* (Cao Tự Thanh), *Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh* (Đông Hồ), thì cách đặt của Đông Hồ là hợp lý hơn cả.

Riêng 10 bài thơ chữ Nôm thất ngôn bát cú, ngoài việc được chép sau mỗi đoạn lục bát gián thất *Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh* nói trên, nó cũng được chép riêng và công bố trước cả bài lục bát gián thất. Văn bản Nôm có 2 bản: bản của gia đình Nguyễn Đình Chiểu và bản của Trần Đình Quang trong *Gia phả Hà Tiên* (chữ Nôm, 1900, 4 bài). Bản quốc ngữ đầu tiên là bản do Lê Quang Chiểu công bố trong *Quốc âm thi hiệp tuyển* (1903), sau đó là Nguyễn Phương Chánh trên *Nông cổ mín đàm* số 159 ngày 29/9/1904, La Thành Đàm trong *Thần chú thỉnh tiên* (1907), Đông Hồ trên *Nam phong tạp chí* số 107/ 1926, định bản trong Đông Hồ, *Văn học Hà Tiên* (1970). Các văn bản trên đều có chép trong *Nghiên cứu Hà Tiên*, tập 2 của Trương Minh Đạt. 10 bài này được Đông Hồ gọi là *Hà Tiên quốc âm thập vịnh* để phân biệt với 2 bài trên.

3) *Minh bột di ngư* gồm 32 bài thơ luật Đường bằng chữ Hán và bài phú chữ Hán *Lư Khê nhàn điệu* hơn trăm câu do Mạc Thiên Tích sáng tác. Tập thơ được Trịnh Hoài Đức phát hiện, rồi cho khắc in năm 1821 gọi là *Minh bột di ngư trùng bản*. Đây là tập thi họa rất quý, đã từng được Ngạc Xuyên Ca Văn Thịnh giới thiệu trên *Đại Việt tạp chí* số 12 năm 1943 nhưng hiện đã thất lạc. Đến nay chỉ còn:

- 8 bài thơ chữ Hán Đường luật *Lư Khê nhàn điệu*, trong đó 2 bài Đông Hồ chép trên vách tường Trung Nghĩa Từ (Mạc Công Miếu), in trong *Văn học Hà Tiên* [5, tr.73-74], 1 bài do Ca Văn Thỉnh giới thiệu trên *Đại Việt tập chí* nói trên (in lại trong *Văn học Hà Tiên* [5, tr.121] và 5 bài do Cao Tự Thanh phát hiện giới thiệu trên *Tạp chí Hán Nôm* số 3/1996, số 6/2009 (in lại trong *Nghiên cứu Hà Tiên*, Trương Minh Đạt, Tập 2, tr.212)...

- 1 bài phú *Lư Khê nhàn điệu* (Rạch Vược câu nhàn), nguyên tác chữ Hán còn sót một ít trên vách tường Trung Nghĩa Từ (Đông Hồ chép lại, *Văn học Hà Tiên*, tr.75), toàn bài được chép trong *Nam hành ký đắc* của Phạm Nguyễn Du (Thư viện Hán Nôm, Hà Nội). Bài này có hai bản dịch, một là bản dịch của Giản Chi, in trong *Kỷ yếu 250 năm Tao đàn Chiêu Anh Các (1736-1986)* (Sở Văn hóa Thông tin Kiên Giang xuất bản, 1987), in lại trong *Văn học Hà Tiên* của Đông Hồ (tr.92); hai là bản do Cao Tự Thanh dịch, in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập 7 [7, tr.778]...

4) *Thụ Đức Hiên tứ cảnh*: Theo Lê Quý Đôn trong *Kiến văn tiểu lục* thì đây là tập thơ chữ Hán xướng họa về cảnh bốn mùa ở Hà Tiên, Mạc Thiên Tích xướng 4 bài thơ hồi văn, 32 thi nhân họa lại, tổng cộng có 88 bài thơ của 32 tác giả, Phương Thu Bạch viết lời tựa. Sách đã được khắc in trong khoảng thời gian với *Hà Tiên thập vịnh*, hiện đã thất lạc. Lê Quý Đôn không chép 4 bài của họ Mạc cũng như bài tựa, mà chỉ chép 9 bài họa. Cho nên tập này chỉ còn sót lại 9 bài họa, đó là các bài của Uông Hề Lai, Thái Đạo Pháp, Phương Thu Bạch, Trần Thành Bích, Trần Trí Khải,

Lưu Chương, Trần Diệu Liên, Trang Huy Diệu, Đỗ Văn Hồ [3, tr.329-354].

5) *Lư Khê vãn*: Bài thơ lục bát trường thiên ngâm vịnh về cảnh Hà Tiên. Mặc dù không ghi tên tác giả, nhưng căn cứ vào một số đặc điểm về nội dung, phong cách và thể loại, Ca Văn Thỉnh cho rằng *Lư Khê vãn* có thể là tác phẩm của Tao đàn Chiêu Anh Các. Không có văn bản Nôm, văn bản đầu tiên là bản chép tay quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký trong *Trương Vĩnh Ký di chỉ* (Thư viện Viện Thông tin KHXH), được Ca Văn Thỉnh phát hiện, rồi nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Thanh Xuân đề cập trong kỷ yếu *250 năm Tao đàn Chiêu Anh Các* (1987). Sau này có in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 7 (Sđd), *Tinh tuyển văn học Việt Nam Văn học thế kỷ XVIII* (tập 5, quyển 1. Nxb. KHXH, 2004)...

Theo bài *Tân tự do* Trịnh Hoài Đức viết năm Minh Mạng thứ hai (1921) in trong tập *Minh bột di ngư*, thì ngoài các sách *Hà Tiên thập vịnh toàn tập*, *Minh bột di ngư thi thảo*, Chiêu Anh Các còn có các bộ sách: *Hà Tiên vịnh vật thi tuyển*, *Châu Thị Trinh liệt tặng ngôn*, *Thi truyện tặng Lưu tiết phụ*, *Thi thảo cách ngôn vị tập*. Các sách này hiện không còn [Dẫn theo 9]...

4. “Phiêu linh tự tiểu uông dương ngoại” – thơ văn Hán Nôm của Tao đàn nguyên soái Mạc Thiên Tích

Thơ văn chữ Hán chữ Nôm của Tao đàn Chiêu Anh Các còn lại khá nhiều, dù đó chỉ là gạch ngói, chân cột của một tòa nhà nguy nga đã sụp đổ. Thơ văn ấy cho chúng ta hình dung sinh hoạt văn chương một thời, thơ văn ấy cũng giúp ta lắng

nghe được tâm sự, điệu tâm hồn người xưa, thơ văn ấy cũng giúp ta hiểu được trình độ nghệ thuật thơ ca, nhất là thơ ca tiếng Việt của một vùng đất biên viễn của Tổ Quốc. Trong bức bích họa văn chương ấy, hiện lên lồng lộng hình ảnh Tao đàn nguyên súy Mạc Thiên Tích. Họ Mạc lớn, không chỉ vì ông là Hà Tiên trấn Đô đốc Tông Đức Hầu, mà còn là nhà thơ Mạc Thiên Tích, một con người nhạy cảm mà hùng kiện, một nhà thơ tài hoa và yêu tiếng Việt, một nhà thơ đứng đầu Tao đàn Chiêu Anh Các. Vì vậy dưới đây chỉ tập trung phân tích thơ văn Mạc Thiên Tích.

Hà Tiên thập vịnh và *Hà Tiên quốc âm thập vịnh* là 10 bài thơ chữ Hán và chữ Nôm tả cảnh đẹp Hà Tiên, đều do Mạc Thiên Tích làm, nhưng 10 bài quốc âm không phải là lời dịch của 10 bài chữ Hán, nó là 10 bài họa bằng chữ Nôm, là sáng tác độc lập, sáng tác mới.

Hà Tiên là vùng đất được thiên nhiên ban tặng nào rừng núi, biển đảo, nào sông hồ, đúng là một vùng sơn thanh thủy tú hiếm có ở xứ Nam Kỳ. Hà Tiên lại được bàn tay kiến thiết, vun bồi của cha con họ Mạc và người dân nơi đây mà trở thành một vùng thắng địa. Mười bài vịnh cảnh Hà Tiên của họ Mạc có hết thấy vẻ đẹp của xứ sở như mười bức tranh sơn thủy liên hoàn, mỗi cảnh một vẻ đẹp riêng. Có vẻ hùng vĩ của đảo Kim Dữ, tiêu sái của Bình San, cái khoáng đạt của Thạch Động, cảnh bình yên của núi Châu Nham, thanh bình của Lư Khê, Lộc Trĩ, dáng hào hùng của đồn Giang Thành, giọng bi ai của chùa Tiêu, vẻ bình đạm của Nam Phổ và nên thơ bát ngát của Đông Hồ.

Đây là cảnh Bình San với sắc xanh um chồng chất, bao phủ của cây rừng, phong cảnh thật tiêu sái:

Một bước càng thêm một thú yêu,
Lần cây vết đá vẽ hay thêu?
Mây từng khói liễu, chồng rồi chập,
Đờn suối ca chim, thấp lại cao.

(*Bình San điệp thúy*, thơ Nôm)

Cây xanh ngăn ngắt vút cao cao,
Ngọn dựng bình giảng đẹp mỹ miều.
Mây sáng vây quanh hình núi rõ,
Mưa tàn thêm nổi bóng non theo.

(*Bình San điệp thúy*, thơ chữ Hán,
Đông Hồ dịch)

Thạch Động thì khoáng đạt với hang động sâu thăm thẳm mà rộng rãi, phía trên mây khói phủ mờ:

Quý trở thần xoi nổi một tòa,
Chòm cây khóm đá dấu tiên gia.
Hang sâu thăm thẳm mây vun lại,
Cửa rộng thỉnh thỉnh gió thổi qua.
Trống rỗng bốn bề thâm thể giới,
Chang bang một dãy chứa yên hà.

(*Thạch Động thôn vân*, Thơ Nôm)

Xanh xanh ngọn đá chạm thiên hà,
Động bích long lanh ngọc chói lòà.
Chẳng hẹn khói mây thường lẫn quất,
Không ngăn, cây cỏ mặc la đà.

Phong sương càng dải màu tươi đẹp,
Nhật nguyệt chi ngừng bóng lại qua.

(*Thạch Động thôn vân*, thơ chữ Hán,
Đông Hồ dịch)

Bến Vược thì thanh bình, no ấm:
Bến Vược nhà ngư chập mấy từng,
Trong nhàn riêng có việc lãng xãng.
Lưới chài phơi trải đầy trời hạ,

Gò rượu say sưa toại nghiệp hằng.

(*Lư Khê ngư bạc*, thơ Nôm)

Đẹp nhất là cảnh Đông Hồ: mặt hồ rộng, trăng chiếu long lanh, cảnh bát ngát, nên thơ:

Mặt hồ leo lẻo tiết thu quang,

Giữa có vàng trắng nổi rõ ràng.

Đáy nước chân mây in một sắc,

Ả Hằng nàng Tổ ló đôi phương.

(*Đông Hồ ấn nguyệt*, thơ Nôm)

Khói tạnh mây tan cõi diêu mang,

Một vùng phong cảnh giữa hồng quang.

Trời xa mặt sóng in đôi bóng,

Biển bạc vành gương dội bốn phương.

(*Đông Hồ ấn nguyệt*, thơ chữ Hán, Đông Hồ dịch)

Bài *Hà Tiên thập cảnh tổng vịnh* cho người đọc thấy toàn cảnh bức tranh Hà Tiên thật đẹp:

Mười cảnh Hà Tiên rất hữu tình,

Non non nước nước gấm nên xinh.

Đông Hồ, Lộc Trĩ tuôn dòng chảy,

Nam Phổ, Lư Khê một mạch xanh.

Tiêu Tự, Giang Thành chuông trống ỏi,

Châu Nham, Kim Dữ cá chim quanh.

Bình San Thạch Động là rường cột,

Sừng sừng muôn năm cũng để dành.

Cảnh đẹp với Mạc Thiên Tích không vô hồn. Ở đây đất lành chim đậu, ở đây là giang sơn của cha con họ Mạc bỏ quê hương xứ sở để gây dựng nên một góc trời riêng. Mạc Thiên Tích nói rất tự nhiên, ý nhị về tình cảm đó. Ông tự hào về xứ sở Hà Tiên thanh bình:

So đây mười cảnh thanh hòa lạ,

Họa cảnh Đào nguyên mới sánh chẳng.

(*Lư Khê ngư bạc*, thơ Nôm)

Và cha con ông đã xây dựng một xứ sở riêng, đẹp đẽ, thanh bình ở ngoài vạn trùng dương:

Phiêu linh tự tiểu uông dương ngoại,

Dục phụ ngư long khước vị năng.

Câu thơ uẩn súc nhiều ý ở ngoài lời: Phiêu bổng cười sáng khoái ngoài biển cả mênh mông/ Muốn cùng cá rồng vùng vẫy mà chưa làm được. Ông viết vậy vì đến Hà Tiên phải đi bằng tàu thuyền, nên có cảm giác chốn này là một góc biển riêng, nhiều người gọi nó là một “hải quốc”. Muốn vẫy vùng như rồng cá để thỏa chí, phải chăng là chí “phản Thanh phục Minh” như di nguyện của thân phụ? Câu này nhà thơ Đông Hồ dịch hay nhưng chưa thoát hết ý:

Lồng lộng vời trông cười thử hỏi,

Cá rồng vùng vẫy chốn này chẳng?

Hà Tiên được xây dựng nên từ một ý định “phản Thanh phục Minh” của Mạc Cửu khi bỏ Quảng Đông năm 17 tuổi, đến Mạc Thiên Tích, ước nguyện ấy xa xôi lắm rồi. Đối với Thiên Tích, Quảng Đông là quê cha, nhưng Hà Tiên là đất mẹ. Hà Tiên là xứ “đất lành chim đậu”, cha anh và nhiều người nữa đã chọn nơi này làm quê nhà:

Trên đường bay nhảy bao xuôi ngược,

Nghỉ cánh dừng chân bến nước con.

(*Châu Nham lạc lộ*, thơ chữ Hán, Đông Hồ dịch)

Anh trở thành một người Việt, nói tiếng Việt, làm thơ bằng tiếng Việt vì yêu

tiếng mẹ đẻ, anh không làm chúa Hà Tiên quốc mà làm bề tôi cho Đại Việt, cho chúa Nguyễn Đàng Trong, một bề tôi trung thành với tấm lòng son:

Quen cây chim thể người quen chúa,
Để đổi nghìn cân một tác son.

Ý tưởng ấy họ Mạc cũng nói trong bài *Lộc Trĩ thôn cư*: tôi yên lòng chọn nơi này mà không nề rộng hẹp, vì chịu đức giáo lành, ơn nước thanh của chúa Nguyễn:

Duổi co chẳng túng kiền khôn hẹp,
Cúi ngửa vì vâng đức giáo lành.

Lưu loát hưởng dư ơn nước thanh,
Ê hề sẵn có của trời dành.

Đâu no thì đó là an lạc,

Lựa phải chen chân chốn thị thành.

Bài *Giang Thành dạ cổ* miêu tả người lính gác đêm ở đồn Giang Thành. Phải chăng chính Mạc Thiên Tích cũng là người lính canh ấy, canh giữ Hà Tiên, giữ yên miền cực nam của đất mẹ:

Trống quân giang thú nổi uy phong,
Nghiêm giống đòi canh ỏi núi sông.
Đánh phá mặt gian người biết tiếng,
Vang truyền lệnh sấm chúng yên lòng.
Phao tuông¹ đã thấy yên ba vạc,
Nhiệm nhật chi cho lọt mây lông.

Bài thơ chữ Hán nói rõ hơn nữa:

Kim giáp đã nhờ đêm chặt chẽ,
Cầm bào cho được chốn thung dung.
Lược thao đem đáp tình minh chúa,
Nước Việt biên thù vững núi sông.
(Khách nhưng cánh dạ tỏa kim giáp,

Nhân chính can thành ủng cầm bào.

Vũ lược thâm thừa anh chủ quyền,

Nhật Nam cảnh vũ lại an lao.

(Đông Hồ dịch)

Trước cửa sông Hà Tiên có hòn đảo sừng sững chắn sóng, khiến cho cửa sông, cũng là cảng Hà Tiên sóng lặng gió yên, đó là đảo Kim Dự. Truyền thuyết kể rằng: hòn Kim Dự nằm trên lưng một con ngao khổng lồ, khi có giặc Xiêm La, Cao Miên đến cướp phá, con ngao lại bơi đi, mang hòn Kim Dự ra chặn trước cửa sông Hà Tiên không cho tàu giặc tiến vào. Hòn Kim Dự ấy trong bài *Kim Dự lan đào* (thơ Nôm) phải chăng cũng chính là hình ảnh Mạc Cửu, Mạc Thiên Tích đứng mũi chịu sào, đầu sóng ngọn gió để giữ gìn Hà Tiên, bảo vệ biên cương Đàng Trong của Đại Việt:

Kim Dự này là núi chót then,
Xanh xanh dành trấn cửa Hà Tiên.
Ngăn ngừa nước dữ khôn vùng vẫy,
Che chở dân lành khỏi ngựa nghiêng.
Thế cả vững vàng trên Bắc hải,
Công cao đồ sộ giữa Nam thiên.
Nước yên chẳng chút lông thu² động,
Rồng bùa nhân xa tiếp bách xuyên.

Kết luận

Mạc Thiên Tích - Chiêu Anh Các ở Hà Tiên cùng với Võ Trường Toản và các học trò trong Bình Dương thi xã ở Gia Định là những tổ chức văn học sớm nhất, mở đầu cho văn chương Nam Kỳ Lục tỉnh. Khởi đi từ ý tưởng thành lập một

¹ Phao tuông (từ cổ) nghĩa là xông pha. Ba vạc là thế đất vững vàng như vạc đứng trên 3 chân.

² Lông thu, dịch chữ "Thu hào", vậy rất nhỏ, rất nhẹ. Cả câu: Nước yên chẳng động đến cả một cái lông bay trong trời thu.

căn cứ địa cho phong trào “Phản Thanh phục Minh” đến chỗ xây dựng Hà Tiên thành một trấn của chúa Nguyễn Đàng Trong, theo tiến trình ấy, việc thành lập Chiêu Anh Các cùng với cuộc xướng họa Hà Tiên thập cảnh đã đánh dấu quá trình hòa hợp của Mạc Thiên Tích với vùng đất mới - đất mẹ của ông. Các tác phẩm của Chiêu Anh Các và Mạc Thiên Tích đánh dấu sự trưởng thành của văn học Việt ở Đàng Trong, đánh dấu bước phát triển mới, ngoạn mục của văn chương tiếng Việt nơi vùng đất biên viễn của Tổ Quốc, đúng như Lê Quý Đôn nhận xét về Chiêu Anh Các: “Không thể bảo rằng hải ngoại¹ không có văn chương vậy” (Bất khả vị hải ngoại vô văn chương dã, *Phủ biên tạp lục*, Quyển 5 - Nhân tài, tờ 170a). Văn chương Chiêu Anh Các cùng với văn chương Đàng Trong cho thấy “văn mạch một phương dằng dặc không đứt” (Thực nhất phương văn chủng nãi miên miên bất tuyệt thực khả xưng dã, *Phủ biên tạp lục*, Quyển 5, tờ 143a). Xét về phương diện quốc tế thì Chiêu Anh Các đáng được tự hào là “salon văn học” quốc tế đầu tiên và lớn nhất của Việt Nam thời trung đại.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trương Minh Đạt (2008), *Nghiên cứu Hà Tiên*, Tập 1, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [2] Trương Minh Đạt (2017), *Nghiên cứu Hà Tiên*, Tập 2, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

- [3] Lê Quý Đôn (1963), *Kiến văn tiểu lục*, Quyển 4 (Trúc Viên Lê Mạnh Liêu dịch), Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn.
- [4] Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh.
- [5] Đông Hồ (2004), *Văn học Hà Tiên*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn (1995), *Đại Nam liệt truyện tiền biên* (Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7] Cao Tự Thanh (1997), *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập 7, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Hà Văn Thù (2005), *Trấn Hà Tiên và Tao đàn Chiêu Anh Các*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [9] Ngạc Xuyên (1943), “Minh bệ di ngư một quyển sách hai thi xã”, *Đại Việt tạp chí*, số 13.

¹ Thời đó Hà Tiên là trấn ly của một vùng đất mới, người Đàng Ngoài muốn vào đến thì phải đi vòng đường biển, nên gọi là “hải ngoại”.